CTCP Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin (UPCOM

Ngày 31/12/2024	3,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.4%	**2.6%**	**5.3%**

ROE — 2024: **1.3%** — +/- YoY ▼ 0.2%

DT thuần — *Q4/24*: **876** *tỷ VNĐ* — QoQ ▲ 490 ▲ 127% — YoY ▲ 133 ▲ 18.0%

DT thuần — *2024*: **1,939** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 352 ▲ 22.2%

LN gộp — *Q4/24*: **30.2** *tỷ VNĐ* — QoQ ▲ 19.0 ▲ 169% — YoY ▼ 20.7 ▼ 40.7%

LN gộp — *2024*: **67.9** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 8.80 ▼ 11.5%

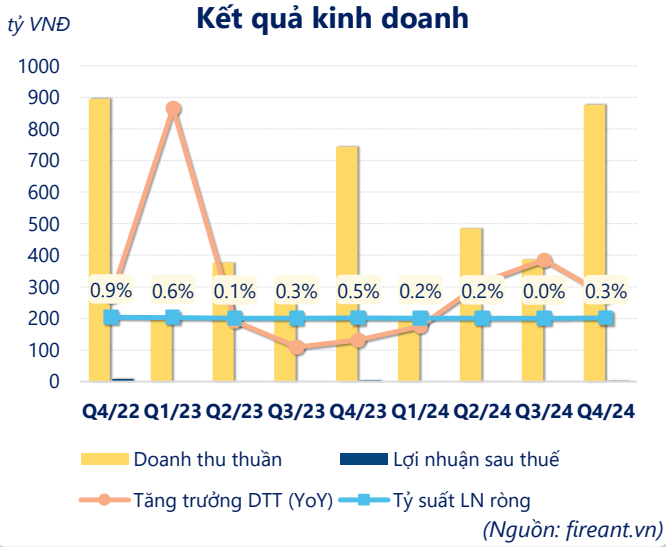
LN thuần — *Q4/24*: **12.6** *tỷ VNĐ* — QoQ ▲ 11.8 ▲ 1471% — YoY ▼ 0.70 ▼ 5.5%

LN thuần — *2024*: **15.0** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 4.10 ▲ 38.5%

LN sau thuế — *Q4/24*: **2.29** *tỷ VNĐ* — QoQ ▲ 2.20 ▲ 2448% — YoY ▼ 1.07 ▼ 31.7%

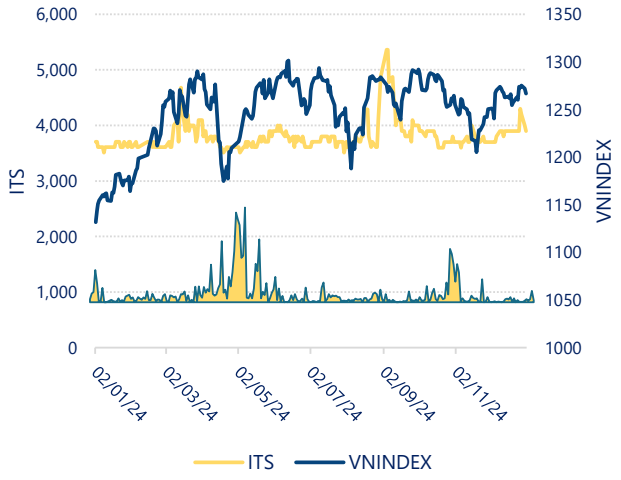
LN sau thuế — *2024*: **3.61** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 0.81 ▼ 18.2%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

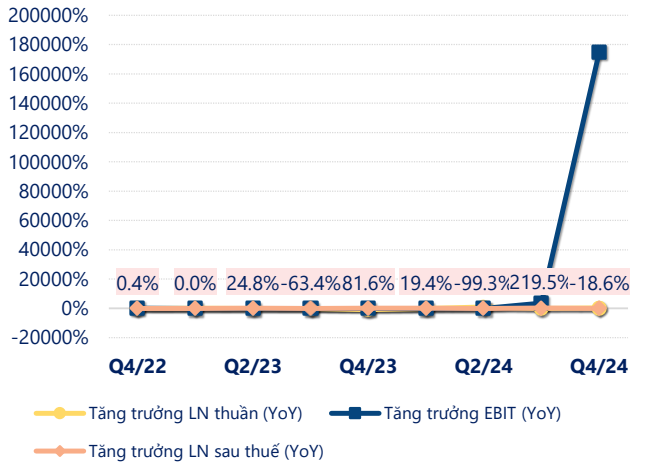
Lịch sử giá



Powered by Infographic
https://fireant.vn/

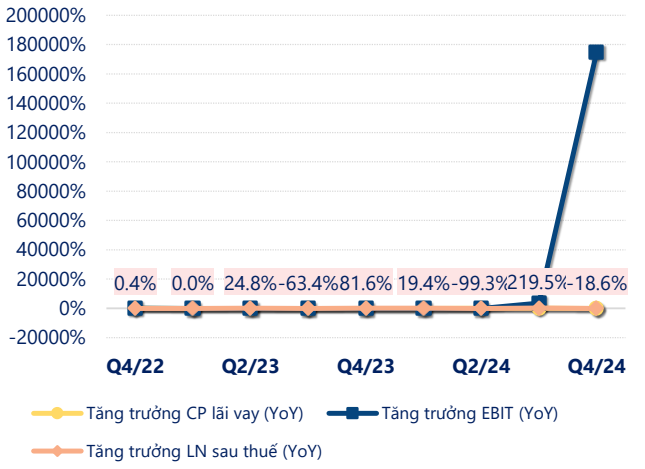
CTCP Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin (UPCOM

Tăng trưởng lợi nhuận



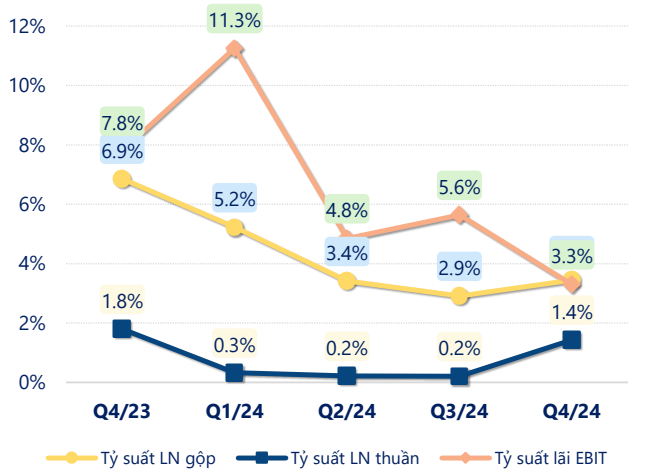
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



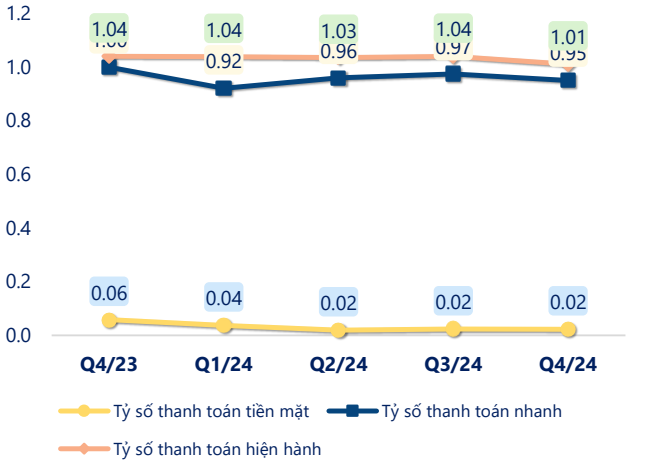
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



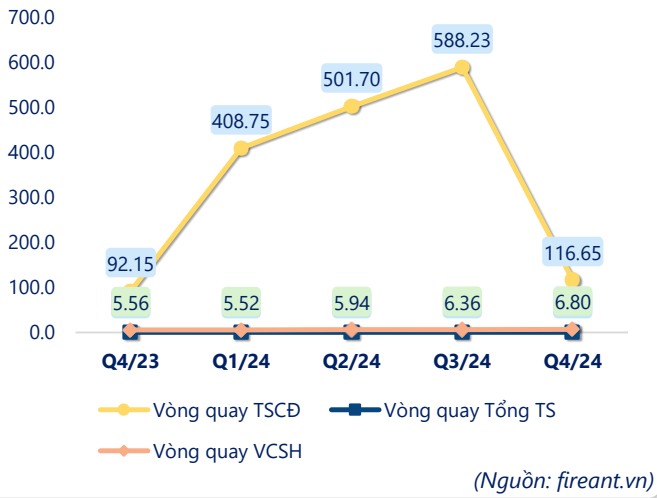
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



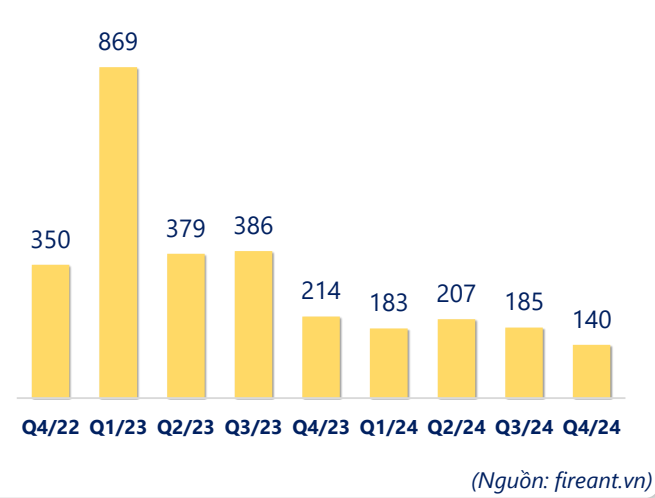
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

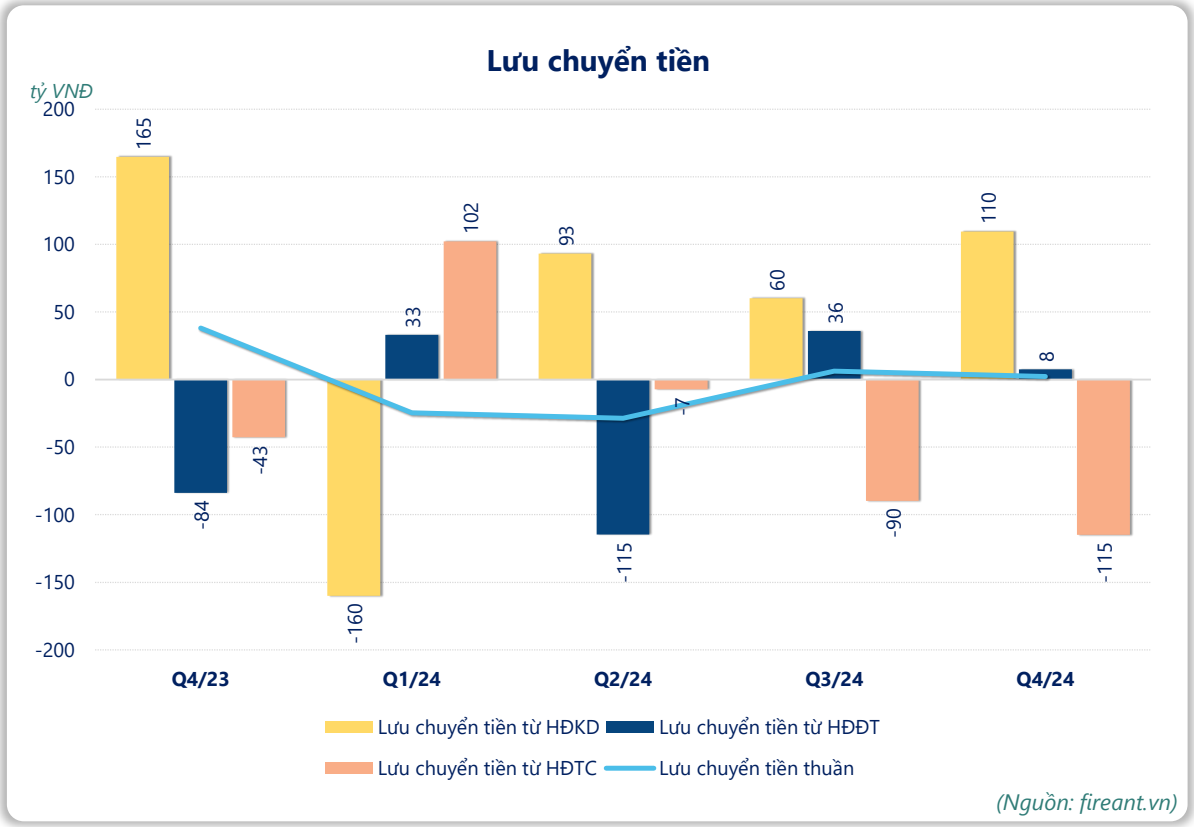


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin (UPCO

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**876**	**743**	**18.0%**	**1,939**	**1,587**	**22.2%**
Giá vốn hàng bán	846	692	22.3%	1,871	1,510	23.9%
Lợi nhuận gộp	30.2	50.9	-40.7%	67.9	76.7	-11.5%
Doanh thu HĐTC	10.5	17.0	-38.1%	61.0	53.6	13.8%
Chi phí TC	21.9	47.9	-54.4%	89.8	97.9	-8.3%
Chi phí lãi vay	20.4	46.9	-56.6%	85.4	96.7	-11.7%
LN trong công ty LKLD	**0.02**	**0.16**	**-88.6%**	**0.14**	**0.16**	**-12.9%**
Chi phí bán hàng	1.12	1.16	-3.6%	3.81	2.59	46.9%
Chi phí QLDN	**5.17**	**5.73**	**-9.8%**	**20.4**	**19.1**	**6.7%**
LN thuần từ HĐKD	12.6	13.3	-5.5%	15.0	10.9	38.5%
Lợi nhuận khác	**-4.04**	**-2.28**	**-77.1%**	**-4.70**	**3.82**	**-223%**
LN trước thuế	8.53	11.1	-23.2%	10.3	14.7	-29.6%
Lợi nhuận sau thuế	**2.29**	**3.36**	**-31.7%**	**3.61**	**4.42**	**-18.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.34**	**3.54**	**-34.0%**	**3.70**	**4.23**	**-12.6%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)